

Bản án số: 411/2023/HC-PT
Ngày 15 tháng 6 năm 2023
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 162/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 3 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1160/2023/QĐPT-HC ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960 – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số 28 Lê Phụng Hiểu, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Tiến A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Long Trung, xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ liên lạc: Số 21 Thiệu Sơn, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2022) - Có mặt;

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu;

Địa chỉ: Số 89 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu: Ông Hoàng Vũ T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu - Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu: Bà Hoàng Thị Thanh N, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vũng Tàu - Có mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn P, sinh năm 1957 (Chồng bà D, trú cùng địa chỉ bà D) - Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị D và người đại diện hợp pháp của bà trình bày:

Diện tích 73,3 m² đất thuộc một phần thửa đất số 216, 191, tờ bản đồ số 36, tọa lạc Phường 10, thành phố Vũng Tàu (tương ứng với thửa số 103, tờ bản đồ thu hồi đất) có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị D nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị O vào năm 2000, bà D đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 815824 ngày 05/5/2000, với diện tích 236 m². Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà D đã xây dựng nhà ở, công trình kiến trúc trên đất và quản lý, sử dụng ổn định đến nay. Các công trình được xây dựng tiếp giáp với đường Bình Giã hiện hữu. Thời điểm xây dựng năm 2001 và qua các lần sửa chữa mở rộng.

Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 12435/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 thu hồi của bà Duyên 73,3 m² để xây dựng công trình đường Bình Giã (đoạn từ đường 30/4 đến đường 2/9), thành phố Vũng Tàu; đồng thời, ban hành Quyết định số 12451/QĐ0UBND ngày 09/11/2021 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất cho bà D, theo đó, chỉ bồi thường 48 m², còn lại 25,3 m² không đủ điều kiện bồi thường và không bồi thường về nhà, vật kiến trúc trên đất.

Bà D cho rằng bà đã sử dụng đất liên tục, ổn định, không có tranh chấp cho đến khi bị thu hồi, nên đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75, khoản 1, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 22, điểm b khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Điều 12, Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ và đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc trên đất theo quy định tại Điều 88, 89 Luật Đất đai.

Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 12451/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu đối với nội dung không bồi thường diện tích 25,3 m² và không bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc trên đất; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu bồi thường diện tích 25,3 m² và bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc trên đất theo quy định của pháp luật;

Tại Công văn số 5170/UBND-TNMT ngày 13/6/2022 và lời khai tiếp theo của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu trình bày:

Phần diện tích 25,3 m² không bồi thường là do phần diện tích đất này không thuộc diện tích 236 m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01255/QSĐĐ/2045/QĐ.UB; không thuộc diện tích 278 m² đất thửa 190, tờ 11, loại đất T mà bà Trần Thị O đứng tên tại Sổ mục kê Phường 10; không thuộc diện tích đất trừ mở đường; không thuộc diện tích đất bà O chuyển nhượng cho bà D, mà là thuộc đất lề đường giao thông thể hiện tại Sơ đồ vị trí được Phòng Địa chính xác nhận ngày 24/6/1994 và Bản đồ địa chính năm 2002, theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Bắc Sơn bay thành phố Vũng Tàu, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 9399/QĐ-UBND ngày 25/01/2002.

Tại Công văn số 599/UBND-ĐC ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân dân Phường 10 về xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng, hiện trạng sử dụng nhà, đất của bà Nguyễn Thị D đã xác định diện tích 25,3 m² bị thu hồi thuộc lề đường giao thông.

Cơ sở pháp lý để không bồi thường diện tích 25,3 m² là theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Cụ thể:

Tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị O, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 1452/QĐ-UB ngày 30/6/1998, tại số thứ tự 28, thể hiện bà Trần Thị O được cấp 02 thửa (189 và 190) thuộc tờ bản đồ số 11, với diện tích 474 m², có thể hiện kích thước, hình thể tại Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1:500 mà bà O sử dụng, được Phòng Kinh tế thành phố Vũng Tàu xác nhận ngày 24/6/1994, thể hiện chiều dài thửa đất là 39,5 mét; phần diện tích trừ mở đường quy hoạch 7 mét và phần diện tích thuộc lề đường 4,5 mét.

Như vậy, phần diện tích 25,3 m² thuộc đất lề đường đã được Nhà nước xác lập từ khi bà O nhận chuyển nhượng từ bà Phan Thị L và phần diện tích đất này bà O không sử dụng, không kê khai đăng ký theo quy định trước khi chuyển nhượng lại cho bà D.

Mặt khác, trong quá trình sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2000 cho đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Bình Giã, bà D không có ý kiến gì về diện tích đất đang sử dụng và không có chứng cứ sử dụng đất theo quy định đối với diện tích 25,3 m² nêu trên.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu không bồi thường về đất diện tích 25,3 m² là đúng quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và không bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc trên diện tích 25,3 m² là đúng quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn P trình bày: Ông hoàn toàn đồng ý yêu cầu khởi kiện của vợ ông là bà Nguyễn Thị D và ông xin vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ Điều 75, Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, hủy Quyết định số 12451/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Nguyễn Thị D do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đường Bình Giã (đoạn đường từ 30/4 đến 2/9), thành phố Vũng Tàu. Diện tích đất được bồi thường là 52,5 m²/73,3 m² đất thu hồi.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị D theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; về án phí hành chính sơ thẩm và tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Hoàng Tiến A trình bày bà D đã cất nhà ở, công trình kiến trúc trên đất, sử dụng ổn định từ năm 2000 đến nay, không có tranh chấp, nên theo quy định của pháp luật thì bà D đủ điều kiện được bồi thường toàn bộ về đất đối với 100% diện tích đất bị thu hồi là 73,3 m². Bản án sơ thẩm chỉ chấp nhận bà D được bồi thường 52,5 m² nên bà D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

Bà Hoàng Thị Thanh N trình bày Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu khảo sát đo đạc, áp ranh các bản đồ và đã kết luận chính xác diện tích bà D đủ điều kiện được bồi thường là 52,5 m², phần diện tích còn lại 20,8 m² không đủ điều kiện để được bồi thường, nên Bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu không đồng ý kháng cáo của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm;

Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, các đương sự vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Ngày 08/3/2022, bà Nguyễn Thị D khởi kiện đối với Quyết định số 12451/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Nguyễn Thị D do thu hồi đất (Viết tắt là Quyết định số 12451) trong thời hạn chưa quá 01 năm kể từ ngày có quyết định bị khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Quyết định số 12451 được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 63, khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai năm 2013;

[4] Bà D yêu cầu phải bồi thường cho bà 100% diện tích đất bị thu hồi là 73,3 m², nhưng Quyết định số 12451 chỉ bồi thường 48 m² và không bồi thường 25,3 m² với lý do đất thuộc lề đường giao thông do Nhà nước quản lý.

Nguồn gốc đất của bà D là do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị O vào năm 2000, bà O nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị L vào năm 1994. Tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị O thể hiện bà O được cấp thửa đất số 189 và thửa đất số 190. Theo Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1:500 được Phòng Kinh tế thành phố Vũng Tàu xác nhận ngày 24/6/1994, thể hiện chiều dài thửa đất là 39,5 mét, trừ mở đường quy hoạch 7 mét và thuộc lề đường 4,5 mét. Phần diện tích lề đường đã được Nhà nước xác lập từ năm 1994.

So sánh giữa Sơ đồ vị trí tỷ lệ 1:500 được Phòng Kinh tế thành phố Vũng Tàu xác nhận ngày 24/6/1994 với Sơ đồ vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ địa chính – Sở Địa chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lập ngày 13/3/2000 và Sơ đồ vị trí do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập ngày 26/8/2022, thì Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu đã xác định sai vị trí, dẫn đến việc xác định diện tích bồi thường cho bà D còn thiếu 4,5 m². Phần đất còn lại 20,8 m² (73,3 m² – 52,5 m²) thuộc lề đường đã được Nhà nước xác lập từ năm 1994, nên Bản án sơ thẩm đã hủy Quyết định số 12451 là có căn cứ.

[5] Bà D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu phải bồi thường cho bà 100% diện tích đất bị thu hồi là 73,3 m², nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh toàn bộ phần diện tích không được bồi thường là không nằm trong diện tích lề đường đã được Nhà nước xác lập từ năm 1994, trước khi bà nhận chuyển nhượng đất của bà Trần Thị O, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà D, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Tuy nhiên, theo quy định của Luật tổ tụng hành chính, Tòa án chỉ có thẩm quyền buộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, còn việc thực thi nhiệm vụ cụ thể như thế nào là thuộc thẩm quyền của cơ quan Nhà nước. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử cụ thể diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ là 52,50 m²/73,3 m² đất thu hồi, là không phù hợp. Vì vậy, cần đính chính lại phần quyết định của Bản án sơ thẩm cho phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 12, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, hủy Quyết định số 12451/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Nguyễn Thị D do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đường Bình Giã (đoạn đường từ 30/4 đến 2/9), thành phố Vũng Tàu.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của bà Nguyễn Thị D, thuộc một phần thửa đất số 216 và thửa đất số 191, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại Phường 10, thành phố Vũng Tàu, để thực hiện Dự án đường Bình Giã (đoạn đường từ 30/4 đến 2/9), thành phố Vũng Tàu.

3. Bà Nguyễn Thị D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (16b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ý

Vương Minh Tâm

Phạm Văn Công